



DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.14.05S.2025.1656>

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT Ở CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC QUẬN 12 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Huỳnh Mộng Tuyền¹ và Nguyễn Thị Hiếu^{2*}

¹*Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam*

²*Học viên cao học, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam*

**Tác giả liên hệ, Email: nguyenhieu.vvt@gmail.com*

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 02/9/2025; Ngày nhận chỉnh sửa: 05/10/2025; Ngày duyệt đăng: 16/10/2025

Tóm tắt

Bài báo tập trung khảo sát thực trạng hoạt động dạy học môn Tiếng Việt ở các trường tiểu học quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Mục tiêu của nghiên cứu là đánh giá mức độ thực hiện hoạt động dạy học Tiếng Việt về mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, phương tiện dạy học và kiểm tra, đánh giá. Nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, phỏng vấn, quan sát và phân tích sản phẩm hoạt động dạy học. Khách thể khảo sát gồm 30 cán bộ quản lý và 79 giáo viên tại 18 trường tiểu học quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Bảng hỏi được thiết kế theo thang đo Likert 5 độ, định khoảng là 0,8 và sử dụng phần mềm Microsoft Office Excel để xử lý số liệu. Các tham số thống kê được sử dụng để đánh giá thực trạng là điểm trung bình, độ lệch chuẩn và thứ hạng. Kết quả nghiên cứu cho thấy hoạt động dạy học môn Tiếng Việt đang được triển khai thực hiện đạt mức khá tốt nhưng vẫn còn hạn chế. Kết quả nghiên cứu là cơ sở để đề xuất các biện pháp để quản lý nâng cao chất lượng dạy học môn Tiếng Việt tại các trường tiểu học quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ khóa: *Hoạt động dạy học, Môn Tiếng Việt, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, trường tiểu học.*

Trích dẫn: Huỳnh, M. T., & Nguyễn, T. H. (2025). Thực trạng hoạt động dạy học môn Tiếng Việt ở các trường tiểu học quận 12 Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 14(05S), 62-71. <https://doi.org/10.52714/dthu.14.05S.2025.1656>

Copyright © 2025 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

CURRENT SITUATION OF VIETNAMESE TEACHING ACTIVITIES IN PRIMARY SCHOOLS IN DISTRICT 12 - HO CHI MINH CITY

Huynh Mong Tuyen¹ and Nguyen Thi Hieu^{2*}

¹*Faculty of Social Sciences Education, School of Education,
Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

²*Postgraduate, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

**Corresponding author, Email: nguyenhieu.vvt@gmail.com*

Article history

Received: 02/9/2025; Received in revised form: 05/10/2025; Accepted: 16/10/2025

Abstract

This article focuses on investigating the current situation of Vietnamese teaching activities in primary schools in District 12, Ho Chi Minh City. The study aims to assess the level of implementation of Vietnamese teaching activities in terms of objectives, contents, methods, organizational forms, teaching facilities and testing, assessment. In the study, questionnaires, interviews, observations and analysis of teaching-learning products were used for data collection. The participants included 30 school managers and 79 teachers at 18 primary schools in District 12, Ho Chi Minh City. The questionnaire was designed in accordance with the 5-degree Likert scale, estimated at 0.8 and Microsoft Office Excel software was used for data processing. The statistical parameters used to assess the current situation are the average score, standard deviation, and ranking. The research findings show that Vietnamese teaching activities are being implemented at a fairly good level while some limitations remain during the process. Thus, these findings serve as the background for proposing measures to manage and improve the quality of Vietnamese teaching in primary schools in District 12, Ho Chi Minh City.

Keywords: *Ho Chi Minh city, primary schools, teaching activities, Vietnamese.*

1. Giới thiệu

Môn Tiếng Việt đóng vai trò then chốt trong phát triển toàn diện nhân cách. Bởi vì, Tiếng Việt là công cụ phát triển tư duy, năng lực học tập, giao tiếp, năng lực Tiếng Việt, văn học, các phẩm chất nhân cách tốt đẹp học sinh (HS) tiểu học. Theo Nguyễn (2023), “Ở cấp tiểu học, Tiếng Việt là môn học trung tâm”. “Ở giáo dục tiểu học, môn học Tiếng Việt được coi là môn học được bố trí thời lượng học lớn nhất trong cơ cấu các môn học và hoạt động của trường tiểu học” (Bùi & cs., 2024). “Thanh thiếu niên bước vào thế giới dành cho người lớn trong thế kỷ XXI sẽ đọc và viết nhiều hơn bất kỳ thời điểm nào khác trong lịch sử loài người...”. (Thạch, 2020). Môn Tiếng Việt chi phát huy hiệu quả giáo dục cao khi thực hiện hoạt động dạy học khoa học, nghệ thuật. Hoạt động dạy học môn Tiếng Việt có mục tiêu là hình thành và phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực chung, đặc biệt là năng lực ngôn ngữ các kĩ năng đọc, viết, nói, nghe... Nội dung mở với các kiến thức về Tiếng Việt, văn học và văn hóa hỗ trợ. Các phương pháp dạy học như dùng lời, trực quan, thực hành, tình huống, dự án và các kỹ thuật dạy học chung và các phương pháp đặc thù của môn Tiếng Việt như đọc, viết, nói và nghe. Các hình thức tổ chức dạy học đa dạng như: bài lớp, tự học, học nhóm, tham quan, trải nghiệm, ngoại khóa. Sử dụng đồ dùng, phương tiện, phương tiện kỹ thuật dạy học hiện đại. Đổi mới kiểm tra, đánh giá; thể hiện tối đa vai trò chủ đạo của giáo viên (GV) và tính tích cực, chủ động học tập của HS. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021) có sự chỉ đạo: “Tăng cường thực hiện đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá môn Tiếng Việt cấp tiểu học”.

Thành phố Hồ Chí Minh tích cực triển khai đổi mới dạy học môn Tiếng Việt của Chương Giáo dục phổ thông 2018. Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh (2022): chỉ đạo tăng cường đổi mới phương pháp dạy và học môn Tiếng Việt theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của HS, qua các hoạt động thực hành kết hợp đọc - viết - nói - nghe và trải nghiệm ngoài lớp học. Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh (2025), có chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ năm học: nâng cao hiệu quả các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá nhằm phát triển phẩm chất, năng lực HS... Chú trọng đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học... Tuy nhiên, hoạt động dạy học môn Tiếng Việt trong thực tiễn gặp phải nhiều khó khăn, thách thức. Theo nghiên cứu của Nguyễn (2021), việc áp dụng phương pháp dạy học tích cực trong môn Tiếng Việt tại các trường tiểu học Thành phố Hồ Chí Minh còn hạn chế, ảnh hưởng đến hiệu quả giảng dạy và phát triển năng lực ngôn ngữ của HS. Theo báo cáo của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh (2023), nhiều trường tiểu học vẫn thiếu thiết bị dạy học hiện đại, ảnh hưởng đến việc triển khai các phương pháp dạy học tích cực và hiệu quả. “Chủ thể giáo dục chưa nhận thức đầy đủ, khoa học. Việc xây dựng kế hoạch, tổ chức dạy học chưa khai thác tốt các thành tố hoạt động dạy học, chưa phát huy tốt vai trò chủ thể tự giác tích cực, độc lập sáng tạo của HS trong thực hành, trải nghiệm thực tiễn, nên chưa đạt sự phát triển năng lực như mong muốn (Hoàng & Huỳnh, 2022).

Xuất phát từ cơ sở trên, việc nghiên cứu “Thực trạng hoạt động dạy học môn Tiếng Việt ở các trường tiểu học Thành phố Hồ Chí Minh” là cấp thiết. Kết quả nghiên cứu sẽ cung cấp cơ sở khoa học cho đề xuất các biện pháp đổi mới, nâng cao chất lượng dạy học môn Tiếng Việt và góp phần thực hiện có hiệu quả Chương Trình giáo dục phổ thông 2018 ở các trường tiểu học quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp nghiên cứu: sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, kết hợp phương pháp phỏng vấn, quan sát thực tế và phân tích các sản phẩm hoạt động dạy học môn Tiếng Việt. Khách thể phỏng vấn là cán bộ quản lý (CBQL) và GV được mã hoá: 01 đến 07.

- Khách thể khảo sát gồm 30 cán CBQL (06 hiệu trưởng, 24 phó hiệu trưởng) và 79 GV (25 tổ trưởng chuyên môn, 15 tổ phó chuyên môn, 39 GV).

- Địa bàn khảo sát: 17 trường tiểu học trên địa bàn quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh: Trường Tiểu học Nguyễn An Khương, Trường Tiểu học Nguyễn Du, Trường Tiểu học Quang Trung, Trường Tiểu học Võ Văn Tần, Trường Tiểu học Hồ Văn Thanh, Trường Tiểu học Nguyễn Thái Bình, Trường Tiểu học Nguyễn Văn Thệ, Trường Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai, Trường Tiểu học Hà Huy Giáp, Trường Tiểu học, Trường Tiểu học Nguyễn Thị Định, Trường Tiểu học Lý Tự Trọng, Trường Tiểu học Kim Đồng, Trường Tiểu học Nguyễn Khuyến, Trường Tiểu học Hồ Văn Thanh, Trường Tiểu học Phạm Văn Chiêu, Trường Tiểu học Võ Thị Sáu, Trường Tiểu học Võ Thị Thù.

- Số liệu khảo sát được nghiên cứu từ năm 2022 đến năm 2025.

- Cách thức xử lý số liệu: Xử lý số liệu bằng phương pháp thống kê toán học và phần mềm Microsoft Office Excel. Các thông tin thu thập được từ phiếu khảo sát được quy ước dựa vào giá trị trung bình của thang đo Likert 5, khoảng cách (Maximum - Minimum)/n = (5-1)/5 = 0,8. Trong đó, điểm trung bình (ĐTB) được quy ước chia theo 5 mức độ: Mức 5 (tốt, rất thường xuyên): từ 4,21-5,00; Mức 4 (khá, khá thường xuyên): Từ 3,41-4,20; Mức 3 (trung bình, thỉnh thoảng): Từ 2,61-3,40; Mức 2: Từ 1,81- 2,60: Yếu/ hiếm khi), Mức 1 (Kém, rất hiếm khi): Từ 1,0-1,8. Thứ hạng (TH) xếp theo giá trị ĐTB từ cao (1 là cao nhất) đến thấp của các nội dung khảo sát.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thực trạng thực hiện mục tiêu dạy học môn Tiếng Việt ở các trường tiểu học quận 12 thành phố Hồ Chí Minh

Kết quả khảo sát thực trạng thực hiện mục tiêu dạy học môn Tiếng Việt được thể hiện ở Bảng 1 sau:

Bảng 1. Mức độ thực hiện mục tiêu môn Tiếng Việt ở các trường tiểu học quận 12 thành phố Hồ Chí Minh

TT	Mục tiêu	CBQL			GV		
		ĐTB	ĐLC	TH	ĐTB	ĐLC	TH
1	Hình thành, phát triển các phẩm chất nhân cách của HS	4,13	0,85	1	4,19	0,82	2
2	Hình thành và phát triển các năng lực chung của HS	4,07	0,96	3	4,13	0,77	3
Phát triển năng lực đặc thù:							
3	Năng lực ngôn ngữ	4,10	0,87	2	4,18	0,86	1
	Năng lực văn học	3,93	0,98	4	3,76	0,68	4
ĐTB chung		4,05			4,06		

Kết quả khảo sát trên cho thấy việc thực hiện các mục tiêu dạy học môn Tiếng Việt đạt mức khá, với ĐTB chung của CBQL và GV lần lượt là 4,05 và 4,06. Ý kiến đánh giá của GV và CBQL tập trung, phản ánh sát thực vấn đề nghiên cứu qua chỉ báo độ lệch chuẩn (ĐLC) thấp nhất là 0,77 và cao nhất là 0,96). Mục tiêu hình thành các phẩm chất, năng lực chung, năng lực ngôn ngữ đạt mức khá (ĐTB dao động 4,07 - 4,19). Mục tiêu phát triển năng lực văn học cho HS có phần hạn chế hơn các mục tiêu khác với ĐTB của CBQL là 3,93 và GV 3,76. Qua kết quả phỏng vấn khách thể 01 và 02 được biết: Các mục tiêu dạy học môn Tiếng Việt được tổ bộ môn và GV thảo luận thực hiện khá tốt. Mục tiêu phát triển năng lực văn học cho

HS có phần hạn chế hơn vì thời gian hạn chế. Hơn nữa, ở tiểu học quan trọng nhất là các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết quan trọng cần tập trung.

3.2. Thực trạng thực hiện nội dung dạy học môn Tiếng Việt ở các trường tiểu học quận 12 thành phố Hồ Chí Minh

Kết quả khảo sát thực trạng nội dung dạy học môn tiếng Việt ở các trường TH Quận 12 thành phố Hồ Chí Minh được trình bày ở Bảng 2:

Bảng 2. Mức độ thực hiện nội dung hoạt động môn Tiếng Việt ở các trường tiểu học quận 12 thành phố Hồ Chí Minh

TT	Nội dung	CBQL			GV		
		ĐTB	ĐLC	TH	ĐTB	ĐLC	TH
1	Các kỹ năng tiếng Việt: đọc, viết, nói và nghe	4,27	0,89	1	4,08	0,73	2
2	Kiến thức tiếng Việt	4,17	0,84	2	4,10	0,77	1
3	Kiến thức văn học	3,87	0,78	3	3,86	0,64	3
4	Kiến thức văn hóa trong ngữ liệu học tiếng Việt	3,77	0,95	4	3,68	0,65	4
ĐTB chung		4,02			3,93		

Theo số liệu nghiên cứu trên, các nội dung dạy học môn Tiếng Việt theo chương trình 2018 đã khai thác, phát huy khá tốt trong thực tiễn. ĐTB chung các ý kiến của 2 khách thể khảo sát khá thống nhất (ĐTB của CBQL là 4,02 và của GV là 3,93), ĐLC dưới 1 cho thấy kết quả khảo sát khách quan, tin cậy. Nội dung về kiến thức và kỹ năng Tiếng Việt đã triển khai thực hiện khá tốt (ĐTB của CBQL là 4,08 và ĐTB của GV là 4,27) và xếp TH 1 và 2. Các kiến thức về văn học và văn hóa trong ngữ liệu học tiếng Việt đạt mức độ thấp hơn. ĐTB dao động từ 3,77-3,87. Qua nghiên cứu các thiết kế dạy học cho thấy, hầu hết GV các trường tiểu học đều thiết kế theo sách giáo khoa, sách GV, ít có sự mở rộng, đào sâu, cập nhật cụ thể”. Theo ý kiến phỏng vấn khách thể 03: Các nội dung qua chương trình, sách giáo khoa hiện nay đảm bảo, đôi chỗ chưa gần gũi với thực tiễn cuộc sống của HS tiểu học các vùng miền. GV cũng gặp khó khăn trong lựa chọn nội dung phù hợp với năng lực HS ở các lớp có sĩ số đông, HS còn yếu. Do thời gian có hạn, HS ít đọc sách, báo mở rộng, đầu tư tự học nên chưa đạt kết quả như mong muốn”.

3.3. Thực trạng thực hiện phương pháp dạy học môn Tiếng Việt ở các trường tiểu học quận 12 thành phố Hồ Chí Minh

Hiệu quả dạy học môn Tiếng Việt phụ thuộc rất nhiều vào phương pháp tổ chức hoạt động. Kết quả khảo sát thực trạng sử dụng phương pháp dạy học môn Tiếng Việt được phản ánh qua Bảng 3 dưới đây:

Bảng 3. Mức độ sử dụng phương pháp dạy học môn Tiếng Việt ở các trường tiểu học quận 12 thành phố Hồ Chí Minh

TT	Phương pháp	CBQL			GV		
		ĐTB	ĐLC	TH	ĐTB	ĐLC	TH
1	Sử dụng phương pháp dạy học chung						
1.1	Các phương pháp dùng lời	4,33	0,99	1	4,25	0,88	1
1.2	Các phương pháp trực quan	4,27	0,89	2	4,05	0,73	3

TT	Phương pháp	CBQL			GV		
		ĐTB	ĐLC	TH	ĐTB	ĐLC	TH
1.3	Các phương pháp thực hành	3,60	0,77	5	3,85	0,64	5
1.4	Các phương pháp giải quyết vấn đề, dạy học theo dự án, ...	2,93	0,74	7	2,91	0,51	7
2 Sử dụng phương pháp dạy học đặc thù của môn Tiếng Việt							
2.1	Phương pháp dạy đọc	4,10	0,75	3	4,09	0,80	2
2.2	Phương pháp dạy viết	4,07	0,75	4	4,02	0,82	4
2.3	Phương pháp dạy nói và nghe	3,50	0,62	6	3,70	0,55	6
ĐTB chung		3,82			3,83		

Kết quả nghiên cứu cho thấy mức độ sử dụng các phương pháp dạy học môn Tiếng Việt đạt mức khá thường xuyên cả 2 khách thể khảo sát (ĐTB của CBQL 3,51 và của GV là 3,83). ĐLC thấp, thể hiện các ý kiến có sự tương đồng, tin cậy. CBQL và GV đánh giá việc sử dụng rất thường xuyên các phương pháp dạy học dùng lời, trực quan, phương pháp đọc (ĐTB của CBQL là 4,33 và 4,27 và của GV là 4,25 và 4,05). Các phương pháp khác được đánh giá thực hiện ở mức thường xuyên với ĐTB khác nhau, trong đó phương pháp được đánh giá thấp nhất ở mức thỉnh thoảng là phương pháp tình huống và dạy học dự án với ĐTB của CBQL là 2,93 và ĐTB của GV là 2,91). Các phương pháp thực hành, nói và nghe được đánh giá sử dụng mức thường xuyên với ĐTB dao động 3,50 đến 3,85. Theo kết quả phỏng vấn khách thể 04 và 05 được biết: “GV còn e ngại trong việc đổi mới phương pháp, một số tiết dạy vẫn còn thiên về truyền thụ kiến thức một chiều, HS thụ động nghe - chép. Nguyên nhân là do năng lực GV hạn chế, lớp đông HS, chưa được bồi dưỡng sâu về kỹ thuật tổ chức lớp học, thiết kế hoạt động phù hợp với từng đối tượng HS. Từ đó, có thể thấy đổi mới phương pháp dạy học môn tiếng Việt đã được triển khai bước đầu, nhưng vẫn còn hạn rất cần đổi mới, nâng cao.

3.4. Thực trạng hình thức tổ chức dạy học môn Tiếng Việt ở các trường tiểu học quận 12 thành phố Hồ Chí Minh

Kết quả khảo sát mức độ thực hiện các hình thức tổ chức dạy học môn Tiếng Việt được thể hiện cụ thể ở Bảng 4:

Bảng 4. Mức độ sử dụng hình thức dạy học môn Tiếng Việt ở các trường tiểu học quận 12 thành phố Hồ Chí Minh

TT	Hình thức	CBQL			GV		
		ĐTB	ĐLC	TH	ĐTB	ĐLC	TH
1	Dạy học trên lớp	4,37	0,99	1	4,38	0,98	1
2	Dạy học theo nhóm	4,16	0,97	3	4,06	0,72	2
3	Hình thức tự học	3,90	0,87	2	3,95	0,67	3
4	Hình thức ngoại khóa	2,67	0,45	6	2,61	0,43	5
5	Giúp đỡ riêng (HS yếu, bồi dưỡng HS giỏi)	3,50	0,87	4	3,51	0,51	4
6	Dạy học trực tuyến	2,30	0,43	5	2,48	0,52	6
ĐTB chung		3,48			3,34		

Bảng số liệu trên cho thấy, các hình thức tổ chức dạy học môn Tiếng Việt được GV sử dụng đạt mức khá đa dạng, tuy nhiên chỉ duy nhất hình thức dạy học trên lớp được đánh giá mức rất thường xuyên với ĐTB của CBQL là 4,37 và GV là 4,38. Các hình thức khác đều được đánh giá ở mức thường xuyên hoặc thỉnh thoảng. Hình thức dạy học nhóm và hình thức tự học cũng được đánh giá đạt mức khá thường xuyên với ĐTB của CBQL là 4,16 và 3,90; ĐTB của GV là 4,06 và 3,95). Riêng hình thức “hoạt động ngoại khóa” được đánh giá ở mức thỉnh thoảng thực hiện (ĐTB của CBQL là 2,67; ĐTB của GV là 2,61); Hình thức dạy học trực tuyến được đánh giá thấp nhất ở mức hiếm khi với ĐTB của CBQL là 2,30 và của GV là 2,48.

Theo ý kiến phỏng vấn khách thể 03,04: “Hình thức bài lớp là hình thức bắt buộc theo chương trình luôn tổ chức thực hiện hàng ngày nên chúng có phần có thể mạnh hơn các hình thức khác”. “Hoạt động ngoại khóa hiếm khi sử dụng vì do thiếu kinh phí, thiếu thời gian, lớp học đông HS, khó khăn quản lý HS”, “GV ngại thay đổi, thiếu kỹ năng tổ chức lớp, chưa được tập huấn đầy đủ, các buổi sinh hoạt chuyên môn chưa tập trung sâu vào việc chia sẻ, hướng dẫn cụ thể cách tổ chức lớp học phù hợp với từng nội dung, chủ đề dạy học Tiếng Việt”. Việc đổi mới hình thức tổ chức dạy học môn Tiếng Việt tuy đã có dấu hiệu chuyển biến nhưng vẫn cần được tiếp tục quan tâm, đầu tư.

3.5. Thực trạng phương tiện dạy học môn Tiếng Việt ở các trường tiểu học quận 12 thành phố Hồ Chí Minh

Kết quả khảo sát thực trạng phương tiện dạy học môn Tiếng Việt ở các trường tiểu học Quận 12 được thể hiện ở Bảng 5.

Bảng 5. Mức độ phương tiện dạy học môn Tiếng Việt tiểu học

TT	Phương tiện, điều kiện	CBQL			GV		
		ĐTB	ĐLC	TH	ĐTB	ĐLC	TH
1	Cơ sở vật chất	4,17	0,81	1	4,16	0,88	1
2	Đồ dùng dạy học trực quan môn Tiếng Việt	3,97	0,83	2	3,82	0,62	2
3	Phương tiện kỹ thuật dạy học	3,90	0,94	3	3,76	0,64	3
4	Các phần mềm hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy	3,67	0,66	4	3,52	0,48	4
ĐTB chung		3,92			3,85		

Kết quả khảo sát thực trạng Bảng 5 cho thấy các điều kiện phương tiện dạy học môn Tiếng Việt được các nhóm khách thể đánh giá ở mức khá đầy đủ với ĐTB chung là 3,92 với ý kiến của CBQL và 38,5 là của GV. Cho thấy, các trường tiểu học đã có sự chú trọng đầu tư và cải thiện về các điều kiện hỗ trợ hoạt động dạy học môn Tiếng Việt, góp phần đáng kể vào việc nâng cao hiệu quả dạy học môn học này. Trong các điều kiện đó, điều kiện về “Cơ sở vật chất” được đánh giá cao nhất với ĐTB của CBQL = 4,17 và ĐTB của GV = 4,16. Phương tiện hiện đại như “thiết bị, máy móc kỹ thuật hiện đại, phần mềm hỗ trợ được đánh giá ở mức khá đảm bảo có ĐTB dao động từ 3,52 đến 3,97.

Theo quan sát và phỏng vấn khách thể 01,02 được biết: Các lớp học đều được trang bị bảng tương tác, máy chiếu, máy vi tính, sách giáo khoa, tài liệu hướng dẫn dạy học, tranh ảnh minh họa, thẻ chữ, phiếu học tập... nhằm hỗ trợ GV tổ chức các hoạt động dạy học hiệu quả, sinh động. Một số trường còn tận dụng công nghệ thông tin để thiết kế bài giảng điện tử, sử dụng phần mềm học tiếng Việt, trình chiếu video minh họa giúp HS dễ hiểu và tiếp thu bài tốt

hơn. Tuy nhiên, một số trường, trang thiết bị không đồng bộ, cũ, hư hỏng hoặc không được bảo trì thường xuyên. Việc khai thác và sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại của GV cũng còn hạn chế do thiếu kỹ năng, chưa được tập huấn đầy đủ, tâm lý ngại đổi mới. Trong khi đó, nhiều tài liệu hỗ trợ, học liệu mở chưa được cập nhật, dẫn đến việc dạy học chưa thật sự linh hoạt, hấp dẫn. Việc phối hợp giữa nhà trường, phụ huynh và các lực lượng xã hội trong việc hỗ trợ trang bị thêm phương tiện dạy học còn hạn chế. Để nâng cao chất lượng dạy học môn Tiếng Việt, các trường tiểu học cần tiếp tục quan tâm đầu tư đầy đủ và đồng bộ hơn về phương tiện dạy học, tăng cường bồi dưỡng kỹ năng khai thác, sử dụng hiệu quả các phương tiện cho GV.

3.6. Thực trạng đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Việt của học sinh ở các trường tiểu học quận 12 thành phố Hồ Chí Minh

Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS là cơ sở quan trọng cho đánh giá chất lượng, hiệu quả hoạt động dạy học đồng thời tạo cơ sở đề nhà trường đề xuất và thực hiện các biện pháp đổi mới nâng cao chất lượng hoạt động dạy học môn Tiếng Việt. Kết quả khảo sát thực trạng kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Việt được thể hiện ở bảng 6 sau:

Bảng 6. Mức độ thực hiện kiểm tra, đánh giá môn Tiếng Việt ở các trường tiểu học quận 12 thành phố Hồ Chí Minh

TT	Kiểm tra, đánh giá	CBQL			GV		
		ĐTB	ĐLC	TH	ĐTB	ĐLC	TH
1	Xây dựng tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá	4,03	0,90	2	4,08	0,76	1
2	Thiết kế công cụ, đề kiểm tra, thi	3,73	0,65	3	3,43	0,64	4
3	Sử dụng phương pháp kiểm tra, đánh giá	4,07	0,96	1	4,06	0,74	2
4	Phản hồi kết quả, tạo động lực cho người học	3,63	0,64	4	3,47	0,77	3
ĐTB chung		3,86			3,76		

Bảng số liệu phần nào cho thấy mức độ thực hiện kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Việt được đánh giá ở mức khá cho tất cả các nội dung khảo sát với ĐTB chung cả 2 khách thể khảo sát là 3,86 và 3,76. ĐTB và xếp TH các nội dung có sự chênh lệch giữa CBQL và GV nhưng chưa có sự khác biệt về ý nghĩa thống kê. Trong đó nội dung “Xây dựng tiêu chí, tiêu chuẩn, sử dụng các phương pháp kiểm tra, đánh giá” được CBQL và GV đánh giá đạt cao nhất với ĐTBCBQL = 4,03 và 4,07; ĐTBGV = 4,08 và 4,06 xếp hạng 1 và 2. Việc “Thiết kế công cụ, đề kiểm tra, đề thi” và “phản hồi kết quả, tạo động lực cho HS” tuy được đánh giá mức Khá nhưng ĐTB không cao được cả 2 nhóm khách thể đánh giá đạt mức khá nhưng ĐTB không cao, xếp thứ hạng 3 và 4, với ĐTB dao động từ 3,43 đến 3,73

Ý kiến phỏng vấn khách thể 06 và 07 cho biết: “Hoạt động đánh giá kết quả dạy học môn Tiếng Việt ở các trường tiểu học hiện nay đã có nhiều chuyển biến tích cực theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất HS. GV bước đầu đã chú trọng hơn đến việc sử dụng đa dạng các hình thức, phương pháp đánh giá. Tuy nhiên, trên thực tế, kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học môn Tiếng Việt vẫn còn tồn tại, hạn chế. Một số GV còn lúng túng trong việc vận dụng các phương pháp đánh giá mới, chưa thực sự hiểu rõ tiêu chí đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực. Việc xây dựng công cụ đánh giá như rubrics, bảng tiêu chí còn mang

tính hình thức, sao chép máy móc. Trong nhiều trường hợp, GV vẫn còn nặng về đánh giá kiến thức ghi nhớ, chưa quan tâm đúng mức đến kỹ năng vận dụng, tư duy ngôn ngữ hay khả năng giao tiếp bằng tiếng Việt của HS. Bên cạnh đó, việc sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh phương pháp dạy học, hỗ trợ HS kịp thời còn chưa hiệu quả; nhiều GV còn xem nhẹ vai trò phản hồi trong quá trình đánh giá, dẫn đến việc HS chưa có cơ hội tự đánh giá, tự điều chỉnh, phát triển rất cần đổi mới, nâng cao”.

4. Kết luận

Hoạt động dạy học môn Tiếng Việt ở các trường tiểu học quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh đã quan tâm thực hiện đồng bộ, toàn diện. Phần lớn CBQL, GV các trường tiểu học thực hiện khá tốt về mục tiêu, khai thác nội dung, sử dụng các phương pháp, hình thức, các phương tiện, thực hiện kiểm tra, đánh giá đạt mức khá tốt trong phát triển các phẩm chất, năng lực chung và năng lực đặc thù của môn Tiếng Việt. Mục tiêu hoạt động dạy học môn Tiếng Việt đạt được chưa tốt, nhất là mục tiêu phát triển năng lực văn học cho HS. Nội dung thực hiện cơ bản theo sách giáo khoa, sách GV ít có sự mở rộng, đào sâu, cập nhật cụ thể, phù hợp cho các đối tượng HS. HS ít đọc sách, báo mở rộng, đầu tư học học tập môn Tiếng Việt. GV thường sử dụng các phương pháp, hình thức dạy học truyền thống, các phương pháp, hình thức thực hành, trải nghiệm thực tiễn, ngoại khóa ít được sử dụng. Việc trang bị, bảo quản, sử dụng các phương tiện trong dạy học môn Tiếng Việt chưa tốt, cần quan tâm bồi dưỡng năng lực, tạo động lực cho GV tích cực thực hiện. GV còn lúng túng trong sử dụng các phương pháp, hình thức đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS. Việc xây dựng công cụ, tiêu chí còn mang tính hình thức, sao chép máy móc. GV còn xem nhẹ vai trò phản hồi trong quá trình kiểm tra, đánh giá, dẫn đến việc HS chưa có cơ hội tự đánh giá, tự điều chỉnh phát triển. Việc sử dụng kết quả đánh giá để cải tiến hoạt động dạy học môn Tiếng Việt chưa được thực hiện tốt.

Xác định đúng các đặc điểm, những ưu điểm, hạn chế của thực trạng sẽ cung cấp những luận cứ thực tiễn cho đề xuất các biện pháp đối với việc tăng cường đầu tư cải thiện cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật dạy học, tăng cường hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho GV và chú trọng đổi mới phương pháp, hình thức đánh giá kết quả học tập của HS nhằm nâng cao chất lượng dạy học môn Tiếng Việt, góp phần thực hiện có hiệu quả Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 trong điều kiện cụ thể của các trường tiểu học quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT, *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Kế hoạch Số: 1252/KH-BGDĐT, Tăng cường thực hiện đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá môn Tiếng Việt cấp tiểu học*.
- Bùi, T. T. T., Nguyễn, T. T. H., & Hán, T. T. H. (2024). Đổi mới dạy học Tiếng Việt cho sinh viên ngành giáo dục tiểu học trong bối cảnh “một chương trình nhiều bộ sách giáo khoa” theo chương trình giáo dục phổ thông 2018. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Thủ đô Hà Nội*, Số 80/Tháng 1-2024, 36-44.
- Hoàng, T. N., & Huỳnh, M. T. (2022), Thực trạng quản lý hoạt động dạy học môn Tiếng Việt theo định hướng phát triển năng lực HS ở các trường tiểu học huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, *Tạp chí Giáo dục*, Số đặc biệt 10 tháng 11 năm 2022, 144-148.
- Nguyễn, T. T. H. (2021). Khảo sát thực trạng áp dụng phương pháp dạy học tích cực trong môn Tiếng Việt tại các trường tiểu học Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, 45(3), 112-119.

- Nguyễn, X. Y. (2023). Phát triển Chương trình môn Tiếng Việt thông qua ngữ liệu dạy học, giáo dục đáp ứng Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh, Tập 20, Số 7* (2023): 1280-1288.
- Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh. (2022). Công văn số 3392/SGDĐT-GDTH, *Hướng dẫn chuyên môn môn Tiếng Việt cấp tiểu học năm học 2022-2023*.
- Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh. (2023), *Báo cáo tổng kết năm học 2022-2023 và phương hướng nhiệm vụ năm học 2023-2024*.
- Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh. (2025). Công văn Số:1557/SGDĐT-GDPT, *Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2025-2026*.
- Thạch, L. A. (2020). *Dạy học đọc hiểu cho học sinh lớp 1 giai đoạn học vẫn theo định hướng phát triển năng lực của người học*. Luận án Khoa học giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. (2024). *Quyết định số 192-QĐ-UBND, Chiến lược phát triển giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh từ nay đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.